

Sổ Điểm

Học phần **Pháp luật (VIE1026)**

Lớp **PHAPLUAT_06_1**

Thời gian **2022-03-14 - 2022-03-30**

Học kỳ **Spring 2022 - Block 2**

#	Mã sinh viên	Họ và tên	Assignment (0%)	Điểm thường đúng tiến độ (0%)	Điểm thường tích cực (0%)	Final exam (100%)	Quiz online 1 (0%)	Quiz online 2 (0%)	Quiz online 3 (0%)	Quiz online 4 (0%)	Quiz online 5 (0%)	Quiz online 6 (0%)	Quiz online 7 (0%)	Quiz online 8 (0%)	Điểm tổng kết	Trạng thái
1	PD04486	Trần Quốc Huy	10.0	0.5	0.5	7.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.7	Đạt
2	PD04662	Nguyễn Hoài Vũ	10.0	0.5	0.5	5.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.7	Đạt
3	PS10982	Nguyễn Thị Xuân Thư	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Trượt
4	PS11803	Trần Gia Hào	10.0	0.5	0.5	6.3	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.3	Đạt
5	PS14816	Phạm Nhật Nghĩa	10.0	0.5	0.5	6.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.2	Đạt
6	PS14988	Trần Thị Kiều Mỹ	0.0	0.0	0.0	0.0	10.0	10.0	10.0	10.0	9.3	10.0	10.0	10.0	0.0	Trượt
7	PS15248	Lê Thị Diễm Trinh	10.0	0.5	0.5	6.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.0	Đạt
8	PS15419	Nguyễn Thị Huyền	10.0	0.5	0.5	7.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.0	Đạt
9	PS15468	Nguyễn Thị Thanh Kiều	10.0	0.5	0.5	8.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	9.0	Đạt
10	PS15517	Bùi Thị Bích Nga	10.0	0.5	0.5	6.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.5	Đạt
11	PS15529	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	10.0	0.5	0.5	6.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.7	Đạt
12	PS15534	Nguyễn Hoàng Giang	10.0	0.5	0.5	7.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.0	Đạt
13	PS15542	Nguyễn Lâm Nghĩa	10.0	0.5	0.5	5.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.7	Đạt
14	PS15563	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	10.0	0.5	0.5	6.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.2	Đạt
15	PS15580	Nguyễn Đan Diệu Thi	10.0	0.5	0.5	7.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.8	Đạt
16	PS15581	Ngô Quang Phú	10.0	0.5	0.5	6.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.5	Đạt
17	PS15598	Đoàn Xuân Kiên	10.0	0.5	0.5	0.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	1.0	Trượt
18	PS15657	Ngô Bảo Thái	10.0	0.5	0.5	6.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.8	Đạt
19	PS15686	Nguyễn Bùi Tường Vy	10.0	0.5	0.5	8.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	9.5	Đạt
20	PS15703	Đào Duy Thiên Phú	10.0	0.5	0.5	6.3	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.3	Đạt
21	PS15705	Nguyễn Xuân Trân	10.0	0.5	0.5	6.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.7	Đạt
22	PS15712	Trần Thanh Trung	10.0	0.5	0.5	5.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.5	Đạt
23	PS15743	Nguyễn Văn Đạt	10.0	0.5	0.5	7.3	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.3	Đạt
24	PS15752	La Hồ Quốc Huy	10.0	0.5	0.5	6.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.8	Đạt
25	PS15756	Trịnh Văn Phi	10.0	0.5	0.5	7.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.5	Đạt
26	PS15791	Nguyễn Thành Đô	10.0	0.5	0.5	6.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.5	Đạt
27	PS15794	Nguyễn Tấn Phát	10.0	0.5	0.5	6.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.8	Đạt
28	PS15813	Lê Ngọc Mỹ Hạnh	10.0	0.5	0.5	6.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.0	Đạt
29	PS15822	Lê Xuân Hào	10.0	0.5	0.5	6.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.2	Đạt
30	PS15844	Đinh Huỳnh Thúy An	10.0	0.5	0.5	6.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.2	Đạt
31	PS15847	Nguyễn Minh Nhật	10.0	0.5	0.5	6.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.7	Đạt
32	PS15850	Lê Thành Tài	10.0	0.5	0.5	0.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	1.0	Trượt
33	PS15855	Đào Xuân Thành	10.0	0.5	0.5	6.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.7	Đạt
34	PS15880	Trần Quốc Lel	10.0	0.5	0.5	5.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.7	Đạt
35	PS15914	Đặng Thị Ngọc Bích	10.0	0.5	0.5	5.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.8	Đạt
36	PS15974	Huỳnh Nguyễn Tuyết Nhi	10.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Trượt

37	PS15996	Nguyễn Ngọc Huyền Trân	10.0	0.5	0.5	6.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.5	Đạt
38	PS16003	Phạm Phi Khanh	10.0	0.5	0.5	6.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.5	Đạt
39	PS16008	Nguyễn Trường Thịnh	10.0	0.5	0.5	0.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	1.0	Trượt
40	PS16010	Huỳnh Quang Thái	10.0	0.5	0.5	7.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.0	Đạt
41	PS16012	Nguyễn Thị Tâm Mai	10.0	0.5	0.5	7.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.5	Đạt
42	PS16013	Danh Thảo	10.0	0.5	0.5	7.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.0	Đạt
43	PS16015	Huỳnh Minh Vũ	10.0	0.5	0.5	7.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.5	Đạt
44	PS16023	Đình Anh Kiệt	10.0	0.5	0.5	7.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.2	Đạt
45	PS16028	Lương Trung Nguyên	10.0	0.5	0.5	6.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.8	Đạt
46	PS16030	Hà Trọng Phút	10.0	0.5	0.5	7.3	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.3	Đạt
47	PS16032	Hà Thế Anh	10.0	0.5	0.5	5.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.7	Đạt
48	PS16049	Nguyễn Xuân Quang	10.0	0.5	0.5	6.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.7	Đạt
49	PS16050	Lê Nguyễn Mỹ Hiếu	10.0	0.5	0.5	6.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.0	Đạt
50	PS16055	Nguyễn Hoàng Long	10.0	0.5	0.5	6.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.5	Đạt
51	PS16064	Hà Tiến Đạt	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Trượt
52	PS16065	Nguyễn Hồng Phấn	10.0	0.5	0.5	5.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.2	Đạt
53	PS16070	Trần Tấn Phát	0.0	0.0	0.5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.5	Trượt
54	PS16074	Nguyễn Chí Thiện	10.0	0.5	0.5	7.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.0	Đạt
55	PS16076	Trần Thị Ngân Hà	10.0	0.5	0.5	6.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.5	Đạt
56	PS16089	Nguyễn Quốc Hùng	10.0	0.5	0.5	7.3	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.3	Đạt
57	PS16091	Phạm Thuỳ Linh	10.0	0.5	0.5	7.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.7	Đạt
58	PS16099	Trương Quỳnh Chương	10.0	0.5	0.5	5.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.8	Đạt
59	PS16108	Hồ Công Nguyên	10.0	0.5	0.5	6.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.7	Đạt
60	PS16112	Lưu Tuấn Kiệt	10.0	0.5	0.5	6.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.7	Đạt
61	PS16174	Huỳnh Đỗ Phi	10.0	0.5	0.5	7.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.2	Đạt
62	PS16306	Võ Đông Duy	10.0	0.5	0.5	7.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.7	Đạt
63	PS16317	Nguyễn Hoàng Khắc Duy	10.0	0.5	0.5	6.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.0	Đạt
64	PS16359	Nguyễn Trung Tiến	10.0	0.5	0.5	6.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.5	Đạt
65	PS16433	Nguyễn Minh Tú	10.0	0.5	0.5	5.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.8	Đạt
66	PS16434	Nguyễn Thuận Thắng	10.0	0.5	0.5	7.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.2	Đạt
67	PS16437	Nguyễn Sang Sang	10.0	0.5	0.5	5.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.8	Đạt
68	PS16440	Triệu Thái An	10.0	0.5	0.5	6.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.2	Đạt
69	PS16442	Nguyễn Thành Lập	10.0	0.5	0.5	6.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.2	Đạt
70	PS16443	Nguyễn Hữu Nhất Long	10.0	0.5	0.5	6.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.5	Đạt
71	PS16461	Trần Thị Bích Phượng	10.0	0.5	0.5	6.3	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.3	Đạt
72	PS16463	Trương Nguyễn Quang Sáng	10.0	0.5	0.5	7.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.2	Đạt
73	PS16472	Bùi Văn Chiến	10.0	0.5	0.5	7.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.0	Đạt
74	PS16477	Phạm Thị Ngọc Quyên	10.0	0.5	0.5	7.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.5	Đạt
75	PS16479	Nguyễn Hữu Nghĩa	10.0	0.5	0.5	6.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.7	Đạt
76	PS16480	Hoàng Đình Thắng	10.0	0.5	0.5	7.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.0	Đạt
77	PS16489	Lê Ngọc Quý	10.0	0.5	0.5	5.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.7	Đạt
78	PS16494	Ngô Minh Triệu	10.0	0.5	0.5	6.3	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.3	Đạt
79	PS16495	Mai Hoàng Vinh	10.0	0.5	0.5	7.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.0	Đạt
80	PS16513	Trần Thế Kiệt	10.0	0.5	0.5	6.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.0	Đạt
81	PS16514	Nguyễn Hoài Diễm	10.0	0.5	0.5	7.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.2	Đạt
82	PS16519	Võ Thành Vĩ	10.0	0.5	0.5	6.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.2	Đạt

83	PS16648	Thạch Thành Hiếu	8.3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Trượt
84	PS17094	Huỳnh Hữu Tài	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Trượt
85	PS18006	Phạm Thị Nhuận	10.0	0.5	0.5	6.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.5	Đạt
86	PS18022	Lâm Ngọc Phương Uyên	10.0	0.5	0.5	6.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.7	Đạt
87	PS18029	Đỗ Thị Hoài	10.0	0.5	0.5	7.3	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.3	Đạt
88	PS18044	Nguyễn Văn Trọng	10.0	0.5	0.5	5.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.8	Đạt
89	PS18059	Lê Hoàng Thiên Vũ	10.0	0.5	0.5	6.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.7	Đạt
90	PS18072	Lê Nguyễn Khánh Giang	10.0	0.5	0.5	5.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.7	Đạt
91	PS18075	Nguyễn Trí Hoàn	10.0	0.5	0.5	7.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.5	Đạt
92	PS18077	Lê Thị Mỹ Duyên	10.0	0.5	0.5	7.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.2	Đạt
93	PS18182	Phạm Ngọc Thạch	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Trượt
94	PS18213	Nguyễn Thị Ý Nhi	10.0	0.5	0.5	6.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.5	Đạt
95	PS18658	Hồ Mạnh Tuấn	10.0	0.5	0.5	6.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.7	Đạt
96	PS19124	Lê Giáp Nam Anh	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Trượt
97	PS19126	Bùi Trần Minh Quý	10.0	0.5	0.5	6.3	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.3	Đạt
98	PS19150	Hồ Chi Na	10.0	0.5	0.5	6.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.7	Đạt
99	PS19228	Trần Hoàng Long	10.0	0.5	0.5	7.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.2	Đạt
100	PS19264	Nguyễn Hoàng My	10.0	0.5	0.5	7.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.8	Đạt

Chủ nhiệm bộ môn

Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 06 năm 2022
Giảng viên phụ trách